

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 03/04/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+GTC1+RC10	7:25	21+0+0	0+0+0		18+2+1	0+0+0	
2		RP1+RC5+SAVR	7:25	5+0+14	0+0+0		0+4+17	0+0+0	
3		TD5+TTC2+TTC3	7:25	12+2+1	0+0+0		13+0+6	0+0+0	PUMA
4		CTK3+TD3+P10	9:25	2+19+0	0+0+0		2+12+8	0+0+0	
5		P6+P1+TD5	9:25	0+4+10	0+0+0		4+4+14	0+0+0	CHUYEN 2 P6- P1
6		SAVR+RP3+RCDM	9:25	13+0+0	0+0+0		11+5+2	0+0+0	PUMA
7		VSP02+TD2+TD3	11:25	2+8+6	0+0+0		0+10+8	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ ĐI VỀ TRONG NGÀY BK14(TD2)-4NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/04/2025	TO: TD2 - GTC1 - RC10	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: DU'ONG - SON - DTUNG	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HUYNH LE THIEN CHINH	TD2	82	1	2			72	D-HANH	Vietnamese
2	PHAM VAN HUNG	TD2	09-10	2	12			78	KHOAN	Vietnamese
3	TRAN VAN HUNG	TD2	05	1	5			77	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN TUAN ANH	TD2	03	1	6	1	16	88	KHOAN	Vietnamese
5	PHAM THE CHUYEN	TD2	08	1	2			66	KHOAN	Vietnamese
6	DUONG HAI BANG	TD2	17-18	2	18			88	KHOAN	Vietnamese
7	HO CHI CONG	TD2	78	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
8	MAI DUC THAN	TD2	07	1	7			68	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN QUOC DOAN	TD2	13	1	5			57	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN BAO	TD2	19	1	11			81	KHOAN	Vietnamese
11	VU VAN MANH	TD2						81	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐINH TRUNG KIEN	TD2						77	ANTOAN	Vietnamese
13	USHAKOV ANTON	TD2	16	1	2			92	ANTOAN	Russian
14	ĐANG QUANG TUAN	TD2	15	1	11			73	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN NINH	TD2	01	1	10			71	XAYLAP	Vietnamese
16	BUI XUAN NGOC	TD2	79-80	2	15			63	XAYLAP	Vietnamese
17	TRAN DUC LOI	TD2	58,100	2	18			62	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN VAN THE	TD2	81	1	11			65	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐO TRONG HAI	TD2	11-12	2	19			81	YTE	Vietnamese
20	PHAM LE NAM	TD2	06	1	5	1	22	66	KHOAN	Vietnamese
21	LE HAI SON	TD2	02	1	7			86	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD2	21	1.572	24	170	2	38	18		
2	GTC1	0	0	0	0	1	20	2		
3	RC10	0	0	0	0	2	24	1		
TOTAL		21	1.572	24	170	5	82	21		
WEIGHT KG			1.572		170		82			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/04/2025	TO: RP1 - RC5 - SAVR	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VTHU - ĐỨC - DŨNG	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ MINH SỸ	RP1	80	1	14			78	CODIEN	Vietnamese
2	LÊ TRỌNG TUYẾN	RP1	87	1	9	2	19	61	CODIEN	Vietnamese
3	PHẠM VĂN MẠNH	RP1	84-85	2	19			80	CODIEN	Vietnamese
4	PHẠM HOANG	RP1	81-83	3	18			61	CODIEN	Vietnamese
5	TRẦN VĂN TRANG	RP1	86	1	8			62	CODIEN	Vietnamese
6	KOMISARENKO ALEKSANDR	SAVR	57-58	2	19			114	AMNGR	Russian
7	TARATONOV IURII	SAVR	73-74	2	12			81	AMNGR	Russian
8	ALMAEV RAMIL	SAVR	67	1	9			84	AMNGR	Russian
9	SOROKACH VLADIMIR	SAVR	61	1	10	1	14	83	AMNGR	Russian
10	MAMATOV DENIS	SAVR	68,70	2	17			87	AMNGR	Russian
11	NGUYỄN VIỆT TRUNG	SAVR	78	1	12			83	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN HOÀNG LONG	SAVR	77	1	13			87	KHOAN	Vietnamese
13	TRẦN VĂN HUNG	SAVR	63	1	12			73	PVDWS	Vietnamese
14	PHẠM THAI BAO	SAVR	64	1	12			80	PVDWS	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TIẾN	SAVR	79-80	2	19			64	DMC-MI	Vietnamese
16	NIKULIN DENIS	SAVR	66	1	17			133	AMNGR	Russian
17	TUZOV DENIS	SAVR	59-60	2	14			96	AMNGR	Russian
18	DOROKHOV DMITRII	SAVR	75-76	2	17			76	AMNGR	Russian
19	TRETIKOV NIKITA	SAVR	71-72	2	12			71	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP1	5	342	8	68	2	19	0		
2	RC5	0	0	0	0	0	0	4		
3	SAVR	14	1.212	21	195	1	14	17		
TOTAL		19	1.554	29	263	3	33	21		
WEIGHT KG			1.554		263		33			

GRAND TOAL: 1.850 KGS.

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/04/2025	TO: TD5 - TTC2 - TTC3	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: CÔNG - VLINH	ETA: 09:30
vang-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN DUY	TD5	65	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM VĂN ĐÌNH	TD5	78	1	6		81	KHOAN	Vietnamese
3	NGÔ QUỐC BAO	TD5	68	1	3		64	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN VĂN HÙNG	TD5	72	1	9		60	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN SỸ LỆ	TD5	74	1	12		55	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN THÀNH CÔNG	TD5	66	1	6		86	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN VĂN DIỆU	TD5	69	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT ĐŨNG	TD5	70	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	TD5	73	1	8		81	KHOAN	Vietnamese
10	ĐỖ VINH CƯỜNG	TD5	71	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
11	BUI TÂN BÌNH	TD5	67	1	6		73	KHOAN	Vietnamese
12	LUU VĂN PHONG	TD5					71	KHOAN	Vietnamese
13	KIM NHẬT THANH	TTC2	38-39	2	12		69	CODIEN	Vietnamese
14	LÊ HUY BÁC	TTC2	35-37	3	20		72	CODIEN	Vietnamese
15	HOANG VĂN PHƯƠNG	TTC3	93	1	3		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	12	11	76	851	0	13		
2	TTC2	2	5	32	141	0	0		
3	TTC3	1	1	3	66	0	6		
TOTAL		15	17	111	1.058	0	19		
WEIGHT KG				111	1.058	0			

GRAND TOAL: 1.169 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/04/2025	TO: CTK3 - TD3 - P10	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: DƯƠNG - SON - DTÙNG	ETA: 11:40
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN HUY HOANG (12556)	CTK3				3	55	87	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN XUAN PHUC	CTK3				1	5	70	SANBAY	Vietnamese
3	KOSHELEV PAVEL	TD3	83	1	7			89	KHOAN	Russian
4	VU TIEN LUC	TD3	85-87	3	12			66	KHOAN	Vietnamese
5	HOANG NGOC NGHIA	TD3	75	1	5			65	KHOAN	Vietnamese
6	KHONG QUOC HUNG	TD3	79	1	4			62	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN XUAN KY	TD3	73	1	5			88	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN DINH NGOC	TD3	80	1	3			63	KHOAN	Vietnamese
9	PHAN TRUC TUYEN	TD3	71-72	2	18			65	KHOAN	Vietnamese
10	MAKAROV E.B.	TD3	89	1	9	1	8	86	ANTOAN	Russian
11	VU NGUYEN KHANG	TD3	77	1	5			79	KHOAN	Vietnamese
12	ĐANG HUY LONG	TD3	76	1	3			76	KHOAN	Vietnamese
13	LE NGOC BINH	TD3	82	1	11			82	KHOAN	Vietnamese
14	PHAM VIET DUNG	TD3	84	1	6			68	KHOAN	Vietnamese
15	VU NGOC THANH	TD3	68-70	3	13			66	KHOAN	Vietnamese
16	PHUNG VAN XUYEN	TD3	74	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN QUANG THANH	TD3	88	1	14			71	KHOAN	Vietnamese
18	DINH SY TUAN	TD3	67	1	9			73	KHOAN	Vietnamese
19	BUI THAI QUI	TD3	78	1	11			79	KHOAN	Vietnamese
20	LE HUYNH TRUNG	TD3	80	1	8			78	KHOAN	Vietnamese
21	ĐO VAN THAI	TD3	81	1	14			69	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	2	157	0	0	4	60	2		
2	TD3	19	1.395	24	161	1	8	12		
3	P10	0	0	0	0	1	13	8		
TOTAL		21	1.552	24	161	6	81	22		
WEIGHT KG			1.552		161		81			

GRAND TOAL: 1.794 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/04/2025	TO: P6 - P1 - TD5	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: VTHU - ĐỨC - DŨNG	ETA: 11:45
cam-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VŨ TRUNG KIẾN	P1	21	1	14			77	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ HỒNG QUÂN	P1	19-20	2	16	5	42	78	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ QUANG ĐẠO	P1	16-17	2	16			79	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ MINH TÙNG	P1	18	1	14			71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRUNG THAI	TD5	79	1	4			78	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN HOÀNG LINH	TD5	75	1	3	2	25	66	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM LÊ TUẤN LIÊM	TD5	85	1	9			61	KHOAN	Vietnamese
8	VƯƠNG KIẾN QUỐC	TD5	90	1	10			79	DVL	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN THỤ	TD5	84	1	15			64	DVL	Vietnamese
10	DUƠNG BA VINH	TD5	78	1	16			98	DVL	Vietnamese
11	LŨU BA XŌ	TD5	76-77	2	13			83	DVL	Vietnamese
12	NGUYỄN ĐỨC LONG	TD5	82-83	2	15			67	DVL	Vietnamese
13	TRẦN BA ĐỨC	TD5	86-87	2	16			83	DVL	Vietnamese
14	TRẦN VĂN THUẬT.	TD5	88-89	2	18			75	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P6	0	0	0	0	0	0	4 + 2	CHUYEN 2 PAX P6-P1	
2	P1	4	305	6	60	5	42	4		
3	TD5	10	754	14	119	2	25	14		
TOTAL		14	1.059	20	179	7	67	22		
WEIGHT KG			1.059		179		67			

GRAND TOAL: 1.305 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/04/2025	TO: SAVR - RP3 - RCDM	AIRCRAFT: 616	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: CÔNG - VLINH	ETA: 11:50
NAU-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	GOLUBKOV IGOR	SAVR	81-82	2	12			115	AMNGR	Russian
2	POMAZANSKII IVAN	SAVR	86-87	2	18			78	AMNGR	Russian
3	EFREMOV KONSTANTIN	SAVR	91	1	14			152	AMNGR	Russian
4	SOROKIN VASILYII	SAVR	79-80	2	17	2	35	94	AMNGR	Russian
5	KHAIRUL ANWAR BIN MUHAMAD	SAVR	75-76	2	19			66	BAKER HU	Malaysian
6	NGUYỄN QUỐC HA	SAVR	72-73	2	11			59	PVD-LOGG	Vietnamese
7	ĐAO HUNG ANH	SAVR	70-71	2	7			65	PVD-LOGG	Vietnamese
8	ANDREEV DENIS	SAVR	88	1	10			86	AMNGR	Russian
9	BASYROV IRSHAT	SAVR	77-78	2	8			94	AMNGR	Russian
10	OBUSHENKOV DMITRII	SAVR	89-90	2	12			84	AMNGR	Russian
11	KUKSAREV KIRILL	SAVR	92-94	3	18			75	AMNGR	Russian
12	NGUYỄN VĂN HIỆP	SAVR	74	1	8			50	AMNGR	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HUY	SAVR	83-84	2	15	1	10	69	AMNGR	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	SAVR	13	1.087	24	169	3	45	11		
2	RP3	0	0	0	0	2	35	5		
3	RCDM	0	0	0	0	2	40	2		
TOTAL		13	1.087	24	169	7	120	18		
WEIGHT KG			1.087		169		120			

GRAND TOAL: 1.376 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 03/04/2025	TO: VSP02 - TD2 - TD3	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: TUYỀN - TTRUNG -	ETA: 14:00
XANH-3		THÀNH	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN QUOC LUONG	VSP02	30-31	2	15			82	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN HOANG MINH	VSP02	35	1	9	4	47	71	CODIEN	Vietnamese
3	HỒ THANH QUANG	TD2	65	1	9			82	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM SỸ NGỌC MINH	TD2	66-67	2	16			74	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VIET TUNG	TD2	64	1	10			60	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN NGỌC ĐĂNG	TD2	61-62	2	20	2	28	75	XAYLAP	Vietnamese
7	VI THAI	TD2	98-99	2	19			58	XAYLAP	Vietnamese
8	VŨ VĂN QUYÊN	TD2	68	1	15	4	44	62	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG VAN SON	TD2	60	1	13	1	13	68	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI NGOC HOANG	TD2	63	1	15			66	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN HOANG SON	TD3	49-50	2	22			74	DVL	Vietnamese
12	LÊ THANH TRUNG	TD3	52	1	15			76	DVL	Vietnamese
13	NGUYEN XUAN HANH	TD3	53	1	7			73	PSV	Vietnamese
14	TRAN VAN CAN	TD3	54	1	6			69	PSV	Vietnamese
15	VŨ MẠNH DUNG	TD3	65-66	2	9			76	PSV	Vietnamese
16	YLASHENKO D.A.	TD3	51	1	11			76	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	VSP02	2	153	3	24	4	47	1		
2	TD2	8	545	11	117	7	85	11		
3	TD3	6	444	8	70	0	0	8		
TOTAL		16	1.142	22	211	11	132	20		
WEIGHT KG			1.142		211		132			

GRAND TOAL: 1.485 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN